

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KỲ ANH
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HS-ST

Ngày: 04 – 04 – 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tiến Thị

Ông Lê Văn Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hoài Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Điệp – Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 29 tháng 03 đến 04 tháng 04 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị N** Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 10 tháng 11 năm 1984 tại xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Trần Thị L; có chồng: Lê Ngọc B và 02 con (con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2008); tiền án, tiền sự: không; biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Lê Thúy H (con gái của bị cáo Nguyễn Thị N)

Sinh ngày 09 tháng 09 năm 2002; nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Có mặt.

Người làm chứng

Anh Lê Ngọc B (bố chị Lê Thúy H, chồng của bị cáo Nguyễn Thị N)

Sinh ngày 10 tháng 06 năm 1975; nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Có mặt.

(Anh Lê Ngọc B đồng thời là người giám hộ cho chị Lê Thúy H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian làm công nhân bốc gạch tại các nhà máy gạch trên địa bàn huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, Nguyễn Thị N có quen biết một nam thanh niên tên là M, thường gọi là M Mạo (trú tại xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh). Vào ngày 29 – 11 – 2018 N nhận được điện thoại từ số thuê bao của M nhờ mua 10 khối pháo và N đồng ý. Ngày hôm sau N đi bốc gạch tại nhà máy thuộc xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh và hỏi một số công nhân bốc gạch cùng mình về việc có ai bán pháo không thì được một người phụ nữ (không rõ nhân thân lai lịch) cho số điện thoại của một người đàn ông bán pháo. Sau đó, N chủ động gọi điện thoại cho người này đặt mua 10 khối pháo, hai bên thỏa thuận giá 700.000 đồng một khối pháo, hẹn nhau giao nhận pháo vào lúc chập tối ngày 02 – 12 – 2018 tại chợ Trâu thuộc xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Khoảng 18 giờ ngày 02 – 12 – 2018, N điều khiển xe đạp điện mang biển kiểm soát 38MĐ1-23494 (của con gái Lê Thúy H) chở H lên khu vực chợ Trâu và nhận 10 khối pháo được đựng trong một bao tải màu vàng từ một nam thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch). N còn được nam thanh niên cho thêm 01 khối pháo nữa đựng trong túi ni lông màu đen để trả công N đã môi giới giúp nam thanh niên này bán pháo cho người khác. N và nam thanh niên thống nhất N đi giao pháo cho khách rồi lấy số tiền bán pháo là 7.000.000đ (bảy triệu đồng) đem về gọi điện cho nam thanh niên đến gặp N lấy. Sau khi nhận pháo, N để bao tải màu vàng đựng pháo phía sau xe cho H ngồi sau giữ, còn chiếc túi ni lông đựng 01 khối pháo N để trước khung xe và điều khiển xe chở pháo cùng H về nhà. Về đến trước cửa nhà, N cầm túi ni lông đựng 01 khối pháo được cho đưa vào nhà cất giấu với mục đích có ai mua thì bán lại lấy tiền, còn H đợi ngoài xe cùng với bao tải màu vàng đựng 10 khối pháo. Sau khi cất khối pháo được cho xong, N điều khiển xe đạp điện chở H và bao tải đựng 10 khối pháo đến khu vực chợ Sáng thuộc xã B, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh để giao số pháo trên cho M như đã hẹn trước đó. Khi đang chờ M thì N bị lực lượng Công an huyện Kỳ Anh bắt quả tang thu giữ 10 khối pháo. Đến 22 giờ 15 phút cùng ngày, tiến hành khám xét chỗ ở của N, Công an huyện Kỳ Anh thu giữ thêm 01 khối pháo mà N đã cất giấu trước đó.

Tại bản kết luận giám định số 03/GDP-PC09 ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh đã kết luận 11 khối pháo thu giữ của N, bên trong mỗi khối có 36 vật hình trụ được liên kết với nhau là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ), có tổng khối lượng là 15,2kg.

Quá trình điều tra cơ quan Công an đã thu giữ tại N:

- 01 (một) xe đạp điện nhãn hiệu XMEN, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 38MĐ1-24394 đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Neo7 màu đồng trắng, số Emei1: 863898035317950; số Emei2: 863898035317943, đã qua sử dụng, gắn số thuê bao: 0987814593;

- 11 khối hình hộp bên ngoài được bọc bằng giấy bóng nhiều màu sắc sặc sỡ, có dòng chữ nước ngoài, bên trong đựng các quả pháo hình trụ.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Nguyễn Thị N đã thừa nhận hành vi của mình. Anh Lê Ngọc B và chị Lê Thúy H đều có lời khai phù hợp với lời khai của Nguyễn Thị N.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKSKA ngày 29 – 01 – 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh để xét xử Nguyễn Thị N về tội “*Buôn bán hàng cấm*” theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận vị đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ tiếp tục khẳng định nội dung vụ án như Cáo trạng đã kết luận, giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị:

- Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 190, Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Thị N từ 12 đến 15 tháng tù.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 11 khối pháo; tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động gắn sim 0987814593 thu giữ tại bị cáo N.

Áp dụng Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị N tranh luận thừa nhận hành vi và tội phạm của mình, xin giảm nhẹ hình phạt vì lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, phải nuôi con nhỏ, bố mẹ già yếu và anh chồng bị tật nguyền, bản thân không được học hành, kém hiểu biết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị H tranh luận trình bày đã được cơ quan Công an trả lại chiếc xe đạp điện của mình qua kiểm tra không có tổn thất gì nên không yêu cầu bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Về tố tụng: Các hành vi và các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử cơ bản đảm bảo hợp pháp, đúng với quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

Tuy nhiên hoạt động điều tra và kiểm sát điều tra có một số thiếu sót, bao gồm:

- Biên bản khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo N và Biên bản niêm phong 01 khối pháo thu giữ được khi khám xét khẩn cấp thể hiện hoạt động niêm phong 01 khối pháo diễn ra trước khi bắt đầu tiến hành khám xét khẩn cấp (Biên bản niêm phong bắt đầu lúc 22 giờ 10 phút ngày 02 – 12 – 2018 nhưng Biên bản khám xét khẩn cấp bắt đầu lúc 22 giờ 15 phút ngày 02 – 12 – 2018). Sau khi khám xét khẩn cấp xong, cơ quan điều tra không có Thông báo bằng văn bản về hoạt động khám xét khẩn cấp với Viện kiểm sát cùng cấp, vi phạm Khoản 2 Điều 193 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Có 03 biên bản điều tra lập chiều ngày 03 – 12 – 2018 trùng thời gian. Cả 03 biên bản này thể hiện bị cáo N đồng thời có mặt ở ba địa phương khác nhau để tham gia vào ba hoạt động điều tra khác nhau. Trong 03 Biên bản này có 02 biên bản thể hiện một điều tra viên đồng thời có mặt ở hai địa phương khác nhau để tiến hành hai hoạt động điều tra khác nhau.

- Từ nhỏ đến khi lấy chồng, bị cáo cư trú tại tỉnh Quảng Bình nhưng cơ quan điều tra không tra cứu tiền án, tiền sự của bị cáo tại Công an tỉnh Quảng Bình.

Xét thấy, tại phiên tòa bị cáo N trình bày trên thực tế việc khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo được tiến hành trước, trong quá trình khám xét cơ quan điều tra phát hiện 01 khối pháo do N cất giấu từ trước đó rồi mới tiến hành lập Biên bản niêm phong. Cũng tại phiên tòa bị cáo N và điều tra viên, kiểm sát viên có tên trong các Biên bản điều tra lập chiều ngày 03 – 12 – 2018 thống nhất trình bày trên thực tế chiều ngày 03 – 12 – 2018 có diễn ra ba hoạt động điều tra ở ba địa phương khác nhau vào ba thời điểm khác nhau, thành phần tiến hành và tham gia các hoạt động điều tra này đúng như 03 Biên bản điều tra thể hiện.

Như vậy sự trùng lặp và bất hợp lý về mặt thời gian trong các Biên bản điều tra nêu trên chỉ là sự nhầm lẫn khi ghi thời gian lập biên bản, không ảnh hưởng đến nội dung vụ án. Việc cơ quan điều tra không có Thông báo bằng văn bản về hoạt động khám xét khẩn cấp với Viện kiểm sát cùng cấp tuy vi phạm thủ tục tố tụng nhưng chỉ ảnh hưởng đến hoạt động kiểm sát điều tra, không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa điều tra viên đã kịp thời cung cấp bổ sung tra cứu tiền án, tiền sự của bị cáo tại Công an tỉnh Quảng Bình. Vì vậy không cần thiết phải trả hồ sơ điều tra bổ sung nữa.

[2]. Về tội danh: Hành vi của N là môi giới, vận chuyển 10 khối pháo giúp sức cho hai người khác mua bán pháo với nhau và N nhận 01 khối pháo được trả

thù lao đưa về nhà cất giấu nhằm mục đích bán lại cho người khác lấy tiền. Tổng khối lượng pháo N đã môi giới, vận chuyển, tàng trữ nhằm mục đích mua bán là 15,2kg. Hành vi đó đủ yếu tố cấu thành tội '*Buôn bán hàng cấm*' quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự, quyết định truy tố của Viện kiểm sát hoàn toàn chính xác.

[3]. Về hình phạt: Hành vi của Nguyễn Thị N là nguy hiểm, xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực thương mại và an toàn công cộng. Khối lượng pháo N mua bán ở mức trung bình quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 190 của Bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. N có nhân thân tốt, bản thân không được học hành, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn. Với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của N như trên, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt N từ 12 đến 15 tháng tù là phù hợp.

[4]. Về vật chứng: Căn cứ Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xét thấy:

11 khối pháo thu giữ tại N là vật cấm lưu thông, cho nên tịch thu tiêu hủy. Chiếc điện thoại di động gắn sim số 0987814593 thu giữ tại N là phương tiện phạm tội, hiện còn giá trị, cho nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Chiếc xe đạp điện nhãn hiệu XMEN màu đỏ đen, biển kiểm soát 38MD1-24394 qua điều tra, thẩm vấn xác định được là do vợ chồng bị cáo N mua cho chị H để đi học, hiện nay cơ quan điều tra đã xử lý (trả lại cho chủ sở hữu), miễn xét.

[5]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 của Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

[6]. Anh Dương Hồng M (cư trú tại thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh) là chủ sở hữu số thuê bao điện thoại di động gọi đến cho N nhờ N mua pháo, anh Võ Công T(cư trú tại thôn H, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh) là chủ sở hữu số thuê bao điện thoại di động được N gọi đến để đặt mua pháo. Tuy nhiên sau quá trình điều tra, thẩm vấn công khai tại phiên tòa không đủ cơ sở kết luận anh M chính là người gọi điện thoại cho N nhờ mua pháo, anh T chính là người nghe điện thoại khi N gọi đến đặt mua pháo. Hai anh trình bày các anh không thường xuyên quản lý, cất giữ điện thoại trong người. Chị Lê Thị H không được N thông tin cho biết việc vận

chuyển, tàng trữ nhằm mục đích mua bán số pháo nói trên. Do đó không có cơ sở truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với anh M, anh T và chị H.

[7]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo N, chị H có mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điểm c Khoản 1 Điều 190, Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;
- Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;
- Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự

Xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*”.

Xử phạt Nguyễn Thị N 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động, tịch thu tiêu hủy 11 (mười một) khối pháo.

Đặc điểm và tình trạng vật chứng có tại biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 30 – 01 – 2019 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh và Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị N và chị Lê Thúy H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo (N);
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (chị H);
- VKSND huyện Kỳ Anh (2 bản);
- Chi cục THA DS huyện Kỳ Anh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Công an huyện Kỳ Anh;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu Văn thư.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Ngọc Tùng